

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 672/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra số 742/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“2. Khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan Nhà nước thực hiện phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.”

2. Sửa đổi, bổ sung mức thu phí tại số thứ tự 4 mục I điểm c khoản 10 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/hồ sơ)	
		Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng
I	Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt		
4	- Đối với đề án/báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5 m³/giây đến dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ từ 10 triệu m³ đến 20 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ 20.000 m³/ngày đến dưới 50.000 m³/ngày; phát điện với công suất lắp máy từ 1.500 kW đến dưới 2.000 kW. - Đối với đề án/báo cáo khai thác, sử dụng nước có quy mô quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	6.700.000	3.350.000

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 15 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 52/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“b) Đơn vị tổ chức thu phí: Sở Nông nghiệp và Môi trường;”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND như sau:

“c) Đơn vị tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức thu lệ phí hộ tịch tại cơ quan mình: khai sinh; khai tử; kết hôn; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc; giám hộ, chấm dứt giám hộ; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác;”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND như sau:

“c) Đơn vị tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân xã, phường (cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) tổ chức thu lệ phí đối với đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh;”

6. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật” bằng cụm từ “Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi”; cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND.

b) Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm b khoản 5, điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND, điểm c khoản 7 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Thay thế cụm từ “Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các huyện, thành phố, thị xã” bằng cụm từ “Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai” tại điểm c, điểm e khoản 7 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND, điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND; thay thế cụm từ “Văn phòng Đăng ký đất đai (trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các huyện, thành phố, thị xã” bằng cụm từ “Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai” tại điểm b khoản 12, điểm c khoản 13, điểm c khoản 14 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND.

d) Điều chỉnh “quy mô từ 1.000m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm” thành “quy mô từ 1.000m³ đến dưới 5.000m³/ngày đêm” tại điểm c khoản 8 Điều 5

Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND.

đ) Thay thế cụm từ “Mức thu áp dụng tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Mức thu đối với đăng ký hộ tịch không có yếu tố nước ngoài”; thay thế cụm từ “Mức thu áp dụng tại Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã” bằng cụm từ “Mức thu đối với đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài và thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc” tại điểm đ khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND.

e) Thay thế cụm từ “UBND các huyện, thành phố, thị xã” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường” tại điểm c khoản 7 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND; thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã” và “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường” tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND, khoản 6 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND.

g) Thay thế cụm từ “Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép” bằng cụm từ “Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020”; thay thế cụm từ “Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã cấp phép” bằng cụm từ “Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở còn lại” tại điểm c khoản 15 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 52/2021/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND.

h) Thay thế cụm từ “Sở Lao động, Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nội vụ” tại điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND.

7. Bãi bỏ một số điểm, khoản, cụm từ như sau:

a) Bãi bỏ điểm d khoản 1, điểm e khoản 5, điểm đ khoản 6, điểm d khoản 8, điểm d khoản 9, điểm d khoản 10 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND; điểm d, điểm e khoản 15 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị

quyết số 52/2021/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND.

b) Bãi bỏ cụm từ “(trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Can Lộc)” tại điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND.

c) Bãi bỏ cụm từ “chủ cơ sở”, cụm từ “thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh” tại điểm a và cụm từ “lần đầu” tại điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND.

d) Bãi bỏ điểm d khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND.

đ) Bãi bỏ cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường: 75% số tiền phí thu được” và cụm từ “UBND các huyện, thành phố, thị xã: 40% số tiền phí thu được” tại điểm e khoản 7 Điều 5 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND.

e) Bãi bỏ cụm từ “nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã trực thuộc tỉnh” tại điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND.

g) Bãi bỏ cụm từ “quỹ tín dụng nhân dân” tại khoản 7 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TTTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB-TH tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ6, TH, TH3.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh